

Phiếu An toàn Hóa chất

Trang: 1/14

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 29.12.2023

Sản phẩm: **Vitamin A-Palmitate 1.0 Mio IU/G stabilized with BHT**

Phiên bản: 5.0

(30041040/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 15.10.2025

1. Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

Tên sản phẩm:

Vitamin A-Palmitate 1.0 Mio IU/G stabilized with BHT

Sử dụng: Chất phụ gia cho ngành thức ăn chăn nuôi., phụ gia thực phẩm, thành phần mỹ phẩm

Công ty:

Công ty TNHH BASF Việt Nam

Tầng 23, Ngõ nhà Đức Thành phố Hồ Chí Minh,

33 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn,

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: +84 28 3824 3833

Số fax: +84 28 3824 3832

Địa chỉ mail: minh-triet.thieu@basf.com

Thông tin khẩn cấp:

18001703 (Việt Nam)

Số fax: +84 28 3824 3832

International emergency number:

Điện thoại: +49 180 2273-112

2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại về chất và hợp chất:

Ân da/ kích ứng da: Cat.3

Độc đối với quá trình sinh sản: Cat.1B (thai nhi)

Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh: Cat.3

Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh: Cat.3

Ghi nhãn sản phẩm và cảnh báo nguy cơ:

Hình đồ cảnh báo:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 29.12.2023

Phiên bản: 5.0

Sản phẩm: **Vitamin A-Palmitate 1.0 Mio IU/G stabilized with BHT**

(30041040/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 15.10.2025



Cảnh báo:
Nguy hiểm

Cảnh báo nguy cơ:

H316	Gây kích ứng da nhẹ.
H360	Có thể làm thương tổn thai nhi.
H402	Nguy hại đối với sinh vật thủy sinh.
H412	Nguy hại đối với sinh vật thủy sinh và tác động kéo dài.

Biện pháp phòng ngừa:

P280	Đeo găng tay bảo vệ/ quần áo bảo hộ và thiết bị bảo vệ mắt/mặt.
P273	Tránh thải vào môi trường.
P201	Xem hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.
P202	Không sử dụng cho đến khi đọc kỹ và hiểu rõ các lưu ý an toàn.

Lưu ý khi tiếp xúc:

P308+P313	Nếu đã tiếp xúc hoặc nghi ngờ tiếp xúc: Yêu cầu trợ giúp y tế
P332+P313	Nếu kích ứng da xuất hiện: Yêu cầu trợ giúp y tế

Lưu ý khi bảo quản:

P405	Kho lưu trữ khóa kín.
------	-----------------------

Lưu ý khi thải bỏ:

P501	Thải bỏ hóa chất bên trong/thùng chứa đến điểm thu gom chất thải nguy hại hay đặc biệt.
------	---

Những mối nguy hiểm khác mà không được phân loại:

Khi được phân phối ở vật liệu có tính chất xốp, sự tự bốc cháy sẽ có thể xảy ra Rủi ro trượt ngã cao do rò rỉ/tràn đổ sản phẩm.

3. Thông tin về thành phần các chất

Bản chất của hoá chất

Trạng thái chất: hỗn hợp

Chất tiền chế dựa trên:
Retinol, hexadecanoate

hoà tan trong:
sunflower oil

Ổn định với:
2,6-di-tert-butyl-p-cresol

Thành phần nguy hại

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 29.12.2023

Phiên bản: 5.0

Sản phẩm: **Vitamin A-Palmitate 1.0 Mio IU/G stabilized with BHT**

(30041040/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 15.10.2025

retinyl palmitate

Hàm lượng (W/W): $\geq 50\%$ - $< 75\%$	Skin Corr./Irrit.: Cat. 3
%	Repr.: Cat. 1B (thai nhi)
Số CAS: 79-81-2	Aquatic Chronic: Cat. 4

2,6-di-tert-butyl-p-cresol

Hàm lượng (W/W): $\geq 1\%$ - $< 3\%$	Aquatic Acute: Cat. 1
Số CAS: 128-37-0	Aquatic Chronic: Cat. 1
	M- nhân tố mãn tính: 1

4. Biện pháp sơ cứu về y tế

Khuyến cáo chung:

Nhân viên sơ cứu phải lưu ý về sự an toàn của chính họ. Nếu bệnh nhân trở nên bất tỉnh, đặt và vận chuyển ở vị trí nghiêng ổn định (vị trí bình phục). Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn ngay lập tức.

Nếu hít phải:

Giữ bệnh nhân bình tĩnh, di chuyển ra nơi có không khí trong lành, gọi bác sĩ.

Khi tiếp xúc với da:

Ngay lập tức rửa kỹ bằng xà phòng và nước, gọi bác sĩ.

Khi tiếp xúc với mắt:

rửa mắt bị ảnh hưởng trong ít nhất 15 phút dưới vòi nước với mí mắt mở to, tư vấn với chuyên gia mắt

Khi nuốt phải:

Ngay lập tức súc miệng và sau đó uống 200-300 ml nước, gọi bác sĩ.

Lưu ý cho bác sĩ:

Triệu chứng: Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11., Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến

Việc xử lý: Điều trị theo các triệu chứng (khử độc, chức năng sống), không có thuốc giải độc đặc trưng.

5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Phương tiện chữa cháy phù hợp:

| Phun nước, bọt, bột khô, cacbon dioxide

Những phương tiện chữa cháy không phù hợp vì lý do an toàn:

| Vòi phun nước

Những mối nguy hiểm cụ thể:

các oxit cacbon, những chất dạng hơi có hại

Những chất/nhóm chất được đề cập có thể thoát ra khi cháy. Sự phát triển của khói/sương.

Thiết bị bảo vệ đặc biệt:

Trang bị dụng cụ hô hấp độc lập và áo quần bảo hộ chống hóa chất.

Thông tin bổ sung:

Có thể hình thành các khí hoặc hơi độc trong quá trình cháy. Làm mát các thùng nguy hiểm bằng cách phun nước. Thu gom nước chữa cháy bị nhiễm bẩn hóa chất riêng biệt, không được đến gần các hệ thống cống rãnh hay nước thải. Loại bỏ những mảnh vụn cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bẩn hóa chất theo các quy định chính thức. Không phun nước trực tiếp vào đám cháy, sản phẩm sẽ nổi lên và có thể bị cháy lại trên bề mặt nước.

6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Những cảnh báo cá nhân:

Sử dụng quần áo bảo hộ lao động. Thông tin về phương thức bảo vệ cá nhân xem chương 8. Đảm bảo hệ thống thông thoáng đầy đủ. Không hít thở hơi/bụi nước. Tránh tiếp xúc với da, mắt và áo quần.

Cảnh báo môi trường:

Không thải vào cống rãnh/nước mặt/nước ngầm. Thông báo ngay cho chính quyền địa phương nếu hoá chất tràn đổ xuống hệ thống cống rãnh hay nguồn nước.

Phương pháp lau dọn hoặc thu gom:

Cho lượng nhỏ: Thu gom bằng vật liệu thấm hút phù hợp. Không sử dụng mặt cưa hay các chất dễ cháy khác như là chất hấp thụ khi thu dọn.

Cho lượng lớn: Rãnh chống tràn đổ. Bơm hút sản phẩm.

Xử lý vật liệu hấp thụ theo các quy định. Thu dọn hóa chất tràn đổ bằng vật liệu hấp thụ khó cháy (ví dụ: đất khoáng) Vải bẩn/ giẻ lau/ các chất hấp thụ có khả năng tự cháy phải được nhúng ướt bằng nước và được thải bỏ an toàn theo quy định pháp luật.

Thông tin bổ sung: Rủi ro trượt ngã cao do rò rỉ/tràn đổ sản phẩm. Vải bẩn/giẻ lau làm bằng sợi tự nhiên (ví dụ: len nguyên chất hoặc bông nguyên chất) có khả năng bắt lửa và không được sử dụng và/hoặc phải được sử dụng và/hoặc phải được xử lý theo biện pháp an toàn.

7. Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

Hướng dẫn sử dụng

Tránh sự hình thành sol khí. Phải bảo đảm không còn sản phẩm kết tinh trong vật chứa trước khi sử dụng. Quá trình sản xuất phải hợp với thông thoáng hút cục bộ. Mặc quần áo bảo hộ lao động và đeo thiết bị bảo vệ mắt/ mặt phù hợp. Tránh tiếp xúc với da, mắt và áo quần. Giữ thùng chứa thật kín.

Phòng chống cháy nổ:

Nguy cơ tự bắt cháy khi một khu vực diện tích bề mặt rộng được hình thành do sự phân tán mịn. Vải bẩn/ giẻ lau/ các chất hấp thụ có khả năng tự cháy phải được nhúng ướt bằng nước và được thải bỏ an toàn theo quy định pháp luật. Lưu ý biện pháp phòng ngừa mạch tĩnh điện. Tránh các nguồn phát sinh tia lửa điện: nhiệt, tia lửa, ngọn lửa hở.

Hướng dẫn bảo quản

Cách ly với các chất oxy hóa.

Thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ: Bảo quản vật chứa kín và khô; cất trữ nơi thoáng mát. Bảo vệ khỏi không khí. Bảo vệ khỏi tác động của ánh sáng. Bảo quản dưới dạng nitơ

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 29.12.2023

Sản phẩm: **Vitamin A-Palmitate 1.0 Mio IU/G stabilized with BHT**

Phiên bản: 5.0

(30041040/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 15.10.2025

8. Kiểm soát phơi nhiễm / yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

Thành phần của các thông số kiểm soát khu vực làm việc

2,6-di-tert-butyl-p-cresol, 128-37-0;

Giá trị TWA 2 mg/m³ (ACGIHTLV), Có thể hít phải hơi hoá chất

sunflower oil, 8001-21-6;

Giá trị TWA 10 mg/m³ (ACGIHTLV), Các phần tử có thể hít vàoGiá trị TWA 3 mg/m³ (ACGIHTLV), Các phân tử có kích thước trên 10 µmGiá trị TWA 10 mg/m³ (OEL (VN)), Dạng sương

Thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp:

Thiết bị bảo vệ hô hấp thích hợp trong điều kiện nồng độ thấp hơn hoặc tác động ngắn: Bộ lọc hạt có hiệu suất cao đối với các hạt rắn và lỏng (vd. EN 143 hay 149, Loại P3 hay FFP3).

Bảo vệ tay:

Găng tay chống hóa chất thích hợp (EN ISO 374-1) cũng với quá trình tiếp xúc lâu dài và trực tiếp (Đề nghị: Chỉ số bảo vệ 6, tương ứng > 480 phút thời gian thẩm thấu theo EN ISO 374-1) : Vd. cao su nitrile (0.4 mm), cao su chloroprene (0.5 mm), cao su butyl (0.7 mm) v

Lưu ý bổ sung: Các thông số dựa trên thí nghiệm, dữ liệu lý thuyết và thông tin của nhà sản xuất găng tay hay có nguồn gốc từ những chất tương tự theo phép loại suy. Tùy thuộc vào nhiều điều kiện khác nhau (như nhiệt độ), trên thực tế việc sử dụng các găng tay chống hoá chất có thể ngắn hơn nhiều so với thời gian thẩm thấu được xác định qua các thí nghiệm

Nên tuân thủ những hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất do sự đa dạng về chủng loại.

Bảo vệ mắt:

Kính an toàn với chấn bảo vệ các cạnh (kính gọng) (vd. EN 166)

Bảo vệ toàn thân:

Bảo vệ cơ thể được chọn dựa vào hoạt động và khả năng phơi nhiễm, ví dụ tạp dề, ủng bảo vệ, quần áo chống hoá chất (theo EN 14605 trong trường hợp hoá chất văng hoặc EN ISO 13982 trong trường hợp bụi).

Tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn chung:

Phụ nữ có thai trong thời kỳ đầu tuyệt đối không được tiếp xúc với hóa chất. Trong mọi trường hợp sản phẩm không được tiếp xúc với da của phụ nữ mang thai hay hít phải. Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp. Yêu cầu mặc trang phục làm việc bó sát ngoài thiết bị bảo vệ cá nhân đã nêu. Tránh tiếp xúc với da Không ăn, uống, hút hay sử dụng thuốc lá ở nơi làm việc. Nên rửa sạch tay và/ hay mặt trước khi nghỉ ngơi và vào cuối ca. Cất trữ riêng biệt áo quần làm việc.

9. Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Dạng:

chất lỏng, bị kết tinh từng phần

Màu sắc:

vàng nhạt

Mùi:

không áp dụng

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 29.12.2023

Phiên bản: 5.0

Sản phẩm: **Vitamin A-Palmitate 1.0 Mio IU/G stabilized with BHT**

(30041040/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 15.10.2025

Ngưỡng mùi:	Chưa xác định bởi các nguy cơ tiềm tàng đối với sức khỏe do hít phải hóa chất.
Giá trị pH:	(20 °C) Chất / hỗn hợp không hòa tan (trong nước)
Điểm nóng chảy:	tương đương 26 °C
Điểm sôi:	Chất / sản phẩm phân hủy do đó không được xác định.
Điểm chớp cháy:	> 100 °C
Tốc độ bay hơi:	không đáng kể
Tính dễ cháy (chất rắn/Khí gas):	khó cháy
Giới hạn nổ dưới (LEL):	Các chất lỏng không áp dụng quy định phân loại và dán nhãn.
Giới hạn nổ trên (UEL):	Các chất lỏng không áp dụng quy định phân loại và dán nhãn.
Nhiệt độ tự cháy:	tương đương 270 °C (DIN 51794)
Phân huỷ do nhiệt:	Không có sẵn các dữ liệu.
Khả năng tự gia nhiệt:	Không áp dụng, sản phẩm là chất lỏng
Nguy cơ nổ:	Dựa trên cấu trúc hóa học không có biểu hiện cho thấy có các thuộc tính nổ.
Những đặc tính làm tăng cháy:	Dựa trên các đặc điểm cấu trúc của nó sản phẩm không được phân loại là oxy hóa.
Áp suất hơi:	(20 °C) không đáng kể
Tỷ trọng:	0.88 g/cm ³ (20 °C, 1,013 hPa)
Tỷ trọng hơi (không khí):	> 1 (20 °C) Nặng hơn không khí. (được ước lượng)
Tính tan trong nước:	Có thể hòa tan một ít
Độ hoà tan (định tính) (các dung môi):	các dung môi hữu cơ hoà tan
Hệ số phân chia n-octanol/nước (biểu đồ Pow):	không áp dụng đối với hỗn hợp chất
Tính nhớt, động lực:	27 mPa.s (60 °C)

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 29.12.2023

Phiên bản: 5.0

Sản phẩm: **Vitamin A-Palmitate 1.0 Mio IU/G stabilized with BHT**

(30041040/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 15.10.2025

Tính nhót, động học:

Không có sẵn các dữ liệu.

Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất:

Trong trường hợp cần thiết, thông tin về các thông số vật lý và hoá học sẽ được ghi rõ trong mục này.

10. Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

Những điều kiện cần tránh:

Nhiệt độ: > 60 °C

Không chú ý đến những điều kiện được đề cập có thể dẫn đến các phản ứng phân hủy không lường trước. Tránh ánh sáng. Xem MSDS phần 7 - Xử lý và cất trữ.

Phân huỷ do nhiệt:

Không có sẵn các dữ liệu.

Những chất cần tránh:

các tác nhân oxy hóa

Sự ăn mòn kim loại: Không dự đoán ăn mòn kim loại.

Những phản ứng nguy hiểm:

Có thể tự bốc cháy khi phân bố đều trên các bề mặt dễ cháy khi có hiện diện không khí.

Các sản phẩm phân hủy nguy hại:

Không có các sản phẩm phân hủy nguy hại nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Tính ổn định hóa học:

Sản phẩm thích hợp nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Khả năng phản ứng:

Phản ứng không nguy hại nếu được cất trữ và sử dụng theo chỉ dẫn/ quy định.

11. Thông tin về độc tính

Các đường tiếp xúc

Đánh giá độ độc cấp tính

Hầu như không độc sau 1 lần ăn vào.

Triệu chứng

Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11. Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến

Kích ứng

Đánh giá tác động kích ứng:

Không gây kích ứng mắt. Có thể gây kích ứng nhẹ cho da.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 29.12.2023

Phiên bản: 5.0

Sản phẩm: **Vitamin A-Palmitate 1.0 Mio IU/G stabilized with BHT**

(30041040/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 15.10.2025

Thông tin trên: retinyl palmitate

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

Ăn mòn/Kích ứng da thỏ: Gây kích ứng. (Thí nghiệm BASF)

Ăn mòn/Kích ứng da thỏ: Hơi kích ứng. (OECD hướng dẫn 404)

Thông tin trên: retinyl palmitate

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

Gây tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng thỏ: không gây kích ứng (OECD hướng dẫn 405)

Dị ứng da/hô hấp

Đánh giá tính nhạy cảm:

Dựa trên thành phần sản phẩm, không có bằng chứng về nguy cơ gây kích ứng da.

Thông tin trên: retinyl palmitate

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

Thí nghiệm tăng tối đa trên chuột lang chuột lang: Không làm mẫn cảm. (OECD hướng dẫn 406)

Gây đột biến tế bào

Đánh giá khả năng gây đột biến:

Theo các dữ liệu hiện tại, các yếu tố phân loại không thích hợp.

Thông tin trên: retinyl palmitate

Đánh giá khả năng gây đột biến:

Trong phần lớn các thí nghiệm được tiến hành (cây vi khuẩn/các vi sinh vật/tế bào) không tìm thấy tác động đột biến. Tác động đột biến cũng không được quan sát trong các thí nghiệm trên cơ thể sống. Chưa tiến hành toàn bộ các thí nghiệm đối với sản phẩm này. Các báo cáo được đưa ra dựa trên các sản phẩm có cấu trúc và thành phần giống với sản phẩm này.

Chất gây ung thư

Đánh giá khả năng gây ung thư:

Theo các dữ liệu hiện tại, các yếu tố phân loại không thích hợp.

Thông tin trên: retinyl palmitate

Đánh giá khả năng gây ung thư:

Đã tiến hành các nghiên cứu trong thời gian dài và các thí nghiệm ngắn hạn về khả năng gây ung thư. Dựa vào các thống kê của kết quả nghiên cứu, không có bằng chứng nào cho thấy đây là chất gây ung thư. Dữ liệu tài liệu.

Độc đối với sinh sản

Đánh giá độ độc đến sinh sản:

Theo các dữ liệu hiện tại, các yếu tố phân loại không thích hợp.

Thông tin trên: retinyl palmitate

Đánh giá độ độc đến sinh sản:

Không có dữ liệu đáng tin cậy nào cho thấy có liên quan đến độc cho quá trình sinh sản.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 29.12.2023

Sản phẩm: **Vitamin A-Palmitate 1.0 Mio IU/G stabilized with BHT**

Phiên bản: 5.0

(30041040/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 15.10.2025

Độc tính gia tăng

Đánh giá vấn đề quái thai:

Trong những nghiên cứu trên động vật đã cho thấy tác dụng gia tăng độc tính/gây quái thai.

| Thông tin trên: retinyl palmitate

Đánh giá vấn đề quái thai:

| Có thể làm tổn hại đến bào thai

Độ độc lên cơ quan đích đặc trưng (phơi nhiễm đơn)

Theo các dữ liệu hiện tại, các yếu tố phân loại không thích hợp.

Độ độc liều lượng lặp lại và cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần)

Đánh giá độ độc liều lượng lặp:

Theo các dữ liệu hiện tại, các yếu tố phân loại không thích hợp.

Nguy cơ khi hít vào

Không nhận thấy nguy cơ khi hít phải.

Thông tin độc tính liên quan khác

| Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

12. Thông tin về sinh thái

Độc sinh thái

Đánh giá độ độc với môi trường thủy sinh:

Nguy hại đối với sinh vật thủy sinh và tác động kéo dài.

Nguy hại cho sinh vật thủy sinh, có thể gây ảnh hưởng nghiêm trọng lâu dài đến môi trường thủy sinh.

Thông tin trên: 2,6-di-tert-butyl-p-cresol

Độc với loài cá:

LC0 (96 h) \geq 0.57 mg/l, Brachydanio rerio (OECD 203; ISO 7346; 84/449/EEC, C.1, bán tĩnh)

Báo cáo về tác động gây độc có liên quan nồng độ xác định phân tích. Chỉ thí nghiệm nồng độ có giới hạn (thí nghiệm GIỚI HẠN).

| Thông tin trên: retinyl palmitate

Độc với loài cá:

LC50 (96 h) $>$ 10,000 mg/l, Leuciscus idus (DIN 38412 Phần 15, tĩnh điện)

Các chi tiết của tác động độc tố có liên quan đến nồng độ nhỏ. Sản phẩm chưa được thử nghiệm.

| Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 29.12.2023

Phiên bản: 5.0

Sản phẩm: **Vitamin A-Palmitate 1.0 Mio IU/G stabilized with BHT**

(30041040/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 15.10.2025

Thông tin trên: 2,6-di-tert-butyl-p-cresol

Loài không xương sống thủy sinh:

EC₀ (48 h) 0.48 mg/l, *Daphnia magna* (Hướng dẫn OECD 202, phần 1, tĩnh điện)

Báo cáo về tác động gây độc có liên quan nồng độ xác định phân tích.

| Thông tin trên: retinyl palmitate

Loài không xương sống thủy sinh:

EC₅₀ (48 h) > 100 mg/l, *Daphnia magna* (Thí nghiệm sàng lọc, tĩnh điện)

Các chi tiết của tác động độc tố có liên quan đến nồng độ nhỏ. Sản phẩm chưa được thử nghiệm.

Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

Thông tin trên: 2,6-di-tert-butyl-p-cresol

Thực vật thủy sinh:

EC₅₀ (72 h) > 0.40 mg/l (tỷ lệ tăng trưởng), *Scenedesmus subspicatus* (Chỉ thị 92/69/EEC, C.3, tĩnh điện)

Báo cáo về tác động gây độc có liên quan nồng độ xác định phân tích.

| Thông tin trên: retinyl palmitate

Thực vật thủy sinh:

EC₅₀ (72 h) 152.94 mg/l (tỷ lệ tăng trưởng), *Scenedesmus subspicatus* (DIN 38412 Phần 9, tĩnh điện)

Sản phẩm có tính hòa tan thấp trong môi trường thí nghiệm. Dung dịch được pha chế với các chất làm hòa tan được tiến hành thí nghiệm.

Thông tin trên: 2,6-di-tert-butyl-p-cresol

Vi sinh vật/ Tác động lên bùn hoạt tính:

EC₀ (3 h) 1,000 mg/l, bùn hoạt tính (DIN EN ISO 8192-OECD 209-88/302/EEC, P. C, hiếu khí)

| Thông tin trên: retinyl palmitate

Vi sinh vật/ Tác động lên bùn hoạt tính:

EC₂₀ (30 min) > 1,000 mg/l, bùn hoạt tính, nước thải sinh hoạt (DIN EN ISO 8192-OECD 209-88/302/EEC, P. C, hiếu khí)

Thông tin trên: 2,6-di-tert-butyl-p-cresol

Độc mãn tính cho loài không xương sống thủy sinh:

Nồng độ tác động không quan sát được (21 d), 0.316 mg/l, *Daphnia magna* (Hướng dẫn OECD 202, phần 2, bán tĩnh)

Các chi tiết của tác động độc tố có liên quan đến nồng độ nhỏ.

| Thông tin trên: retinyl palmitate

Độc mãn tính cho loài không xương sống thủy sinh:

| Các nghiên cứu khoa học chưa được chứng minh.

Đặc tính không ổn định

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:

Không có sẵn các dữ liệu.

Không có sẵn các dữ liệu.

Thông tin trên: 2,6-di-tert-butyl-p-cresol

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 29.12.2023

Sản phẩm: **Vitamin A-Palmitate 1.0 Mio IU/G stabilized with BHT**

Phiên bản: 5.0

(30041040/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 15.10.2025

Chất sẽ không bay hơi vào trong không khí từ mặt nước.

Có khả năng hấp thụ trong đất rắn.

Thông tin trên: retinyl palmitate

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:

Chất sẽ không bay hơi vào trong không khí từ mặt nước.

Có khả năng hấp thụ trong đất rắn.

Tính bền và tính biến chất

Đánh giá phân hủy sinh học và tính khử (H₂O):

Sản phẩm có chứa (a) thành phần phân hủy sinh học kém.

Thông tin trên: 2,6-di-tert-butyl-p-cresol

Thông tin bị đào thải:

4.5 % BOD của ThOD (28 d) (OECD 301C; ISO 9408; 92/69/EEC, C.4-F) (hiếu khí, bùn hoạt tính)

Thông tin trên: retinyl palmitate

Thông tin bị đào thải:

40 - 50 % BOD của ThOD (28 d) (OECD 301F; ISO 9408; 92/69/EEC, C.4-D) (hiếu khí, bùn hoạt tính, nước thải sinh hoạt)

Khả năng tích lũy sinh học

Đánh giá khả năng phân hủy sinh học:

Sản phẩm có chứa các thành phần tiềm ẩn nguy cơ tích tụ sinh học.

Thông tin trên: 2,6-di-tert-butyl-p-cresol

Khả năng tích lũy sinh học:

Yếu tố nồng độ sinh học: 330 - 1,800 (28 d), cá chép Cyprinus (OECD hướng dẫn 305 C)

Yếu tố nồng độ sinh học: 230 - 2,500 (56 d), cá chép Cyprinus (OECD hướng dẫn 305 C)

Thông tin trên: retinyl palmitate

Khả năng tích lũy sinh học:

Dự kiến không có sự tích tụ đáng kể trong các cơ quan do hệ số phân bố n-octanol/nước (log Pow).

Thông tin bổ sung

Những lời khuyên về độc chất sinh thái khác:

Sản phẩm không được thí nghiệm. Những công bố về độc tố sinh học có nguồn gốc từ các thuộc tính của từng thành phần.

13. Thông tin về thải bỏ

Thông tin quy định tiêu hủy: Phải tuân thủ các quy định về chất thải nguy hiểm như:

- Luật số 72/2020/QH14 của Quốc hội : Luật Bảo Vệ Môi Trường.

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 29.12.2023

Phiên bản: 5.0

Sản phẩm: **Vitamin A-Palmitate 1.0 Mio IU/G stabilized with BHT**

(30041040/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 15.10.2025

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường : Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Tuân theo các yêu cầu pháp luật quốc gia và địa phương.

14. Thông tin khi vận chuyển

Vận chuyển nội địa:

	Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải
Số UN hoặc số ID	Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng
Nhóm đóng gói:	Không áp dụng
Mối nguy hiểm về môi trường:	Không áp dụng
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Chưa có thông tin

Vận tải đường thủy

IMDG	
Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải	
Số UN hoặc số ID:	Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng
Nhóm đóng gói:	Không áp dụng
Mối nguy hiểm về môi trường:	Ô nhiễm hàng hải: không
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Chưa có thông tin

Sea transport

IMDG	
Not classified as a dangerous good under transport regulations	
UN number or ID number:	Not applicable
UN proper shipping name:	Not applicable
Transport hazard class(es):	Not applicable
Packing group:	Not applicable
Environmental hazards:	Not applicable
	Marine pollutant: no
Special precautions for user	None known

Vận tải hàng không

IATA/ICAO	
Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải	
Số UN hoặc số ID:	Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng
Nhóm đóng gói:	Không áp dụng

Air transport

IATA/ICAO	
Not classified as a dangerous good under transport regulations	
UN number or ID number:	Not applicable
UN proper shipping name:	Not applicable
Transport hazard class(es):	Not applicable
Packing group:	Not applicable

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 29.12.2023

Phiên bản: 5.0

Sản phẩm: **Vitamin A-Palmitate 1.0 Mio IU/G stabilized with BHT**

(30041040/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 15.10.2025

Mối nguy hiểm về môi trường:	Không áp dụng	Environmental hazards:	Not applicable
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Chưa có thông tin	Special precautions for user	None known

15. Thông tin về pháp luật

Những quy định khác

Phiếu An toàn hóa chất (SDS) được biên soạn theo các quy định quốc tế về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS) cũng như các quy định pháp luật hiện hành có liên quan:

- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007.
- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Thông tư số 17/2022/TT-BCT ngày 27/10/2022 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
- Nghị định số 42/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ Quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.
- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Thông tư số 37/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020 của Bộ Công Thương quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 05A:2020/BCT về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng bảo quản, vận chuyển hóa chất nguy hiểm và các quy định pháp luật liên quan đến lĩnh vực hóa chất có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.

Phải bổ sung phụ lục trong trường hợp thông tin khác về việc áp dụng luật pháp chưa được cung cấp trong phiếu An toàn hoá chất này.

16. Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất

Bất cứ những ứng dụng dự kiến khác nên thảo luận với nhà sản xuất. Phải tuân thủ nghiêm các biện pháp bảo vệ an toàn nghề nghiệp được khuyến cáo.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 29.12.2023

Sản phẩm: **Vitamin A-Palmitate 1.0 Mio IU/G stabilized with BHT**

Phiên bản: 5.0

(30041040/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 15.10.2025

Những hàng trắng bên lề trái cho biết một số hiệu chỉnh so với phiên bản trước đó.

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Phiếu An toàn hóa chất chỉ mô tả sản phẩm liên quan đến những yêu cầu an toàn. Dữ liệu không mô tả thuộc tính của sản phẩm (chi tiết kỹ thuật). Người sử dụng sản phẩm chịu trách nhiệm về các quyền sở hữu, các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.